

XÂY DỰNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỨNG THÚ CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN NỞ TRONG GIỜ HỌC MÔN BƠI LỢI

BUILDING CRITERIA TO EVALUATE THE INTEREST OF NGUYEN VAN NO PRIMARY SCHOOL PUPIL DURING SWIMMING LESSON

TÓM TẮT: Qua các bước phân tích, nghiên cứu đã xây dựng được thang đo đánh giá mức độ hứng thú của học sinh Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở trong giờ học môn Bơi lội bao gồm 03 nhóm tiêu chí với 21 mục hỏi, trong đó nhóm “Hành động biểu hiện khi học tập môn Bơi lội” bao gồm 11 biến quan sát, nhóm “Nhận thức về môn Bơi lội” bao gồm 05 biến quan sát, nhóm “Mức độ hài lòng với điều kiện học tập môn Bơi lội” bao gồm 05 biến quan sát.

TỪ KHÓA: Tiêu chí, hứng thú, bơi lội, học sinh, Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở.

ABSTRACT: Through analytical steps, the research has built a scale to evaluate the level of interest of Nguyen Van No Primary School students in Swimming lessons, including 03 groups of criteria with 21 questions, in which the group “Actions expressed when learning Swimming” includes 11 observed variables, the group “Awareness about Swimming” includes 05 observed variables, the group “Level of satisfaction with learning conditions for Swimming” includes 05 observed variables

KEYWORDS: Criteria, interest, swimming, students, Nguyen Van No Primary School.

LÊ TẤN ĐANG

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở

LÊ CÔNG BẰNG

Trường Đại học Thủ Dầu Một

LE TAN DANG

Nguyen Van No Primary school

LE CONG BANG

Thu Dau Mot University

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các nhà tâm lý học đã đưa ra khái niệm hứng thú (HT) là thái độ lựa chọn đặc biệt của cá nhân đối với một đối tượng nào đó, vừa có ý nghĩa đối với cuộc sống, vừa có khả năng mang lại xúc cảm cho cá nhân trong quá trình hoạt động.

Hứng thú trong giờ học giáo

đục thể chất (GDTC) được hiểu với nghĩa HT trong hoạt động học tập, môn học cụ thể là môn GDTC. HT trong giờ học GDTC của học sinh (HS) được hình thành, phát triển thông qua sự tác động qua lại giữa chủ thể và đối tượng gây nên HT. Hứng thú trong giờ học GDTC có vai trò hết sức quan trọng trong việc kích thích tính tích cực, sự say mê, phát triển khả năng vận động cho SV trong quá trình học tập môn GDTC, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động dạy học, đồng thời có ý nghĩa lớn đối với phát triển toàn diện cho HS.

Để trang bị cho trẻ những kỹ năng phòng tránh đuối nước, Trường Tiểu học Nguyễn Văn

Nở đã chủ động triển khai phổ cập bơi và rèn luyện kỹ năng phòng tránh đuối nước cho học sinh. Là một trong những trường học đầu tiên ở Phường Linh Xuân triển khai mô hình bể bơi thông minh và mạnh dạn đưa môn bơi vào hoạt động thể chất thường xuyên, Trường tiểu học Nguyễn Văn Nở nhanh chóng nhận được sự ủng hộ từ Phòng GD&ĐT thành phố Thủ Đức cũng như các bậc phụ huynh, học sinh trong trường. Do đó, để đánh giá được hứng thú của HS Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở khi học môn bơi, việc xây dựng tiêu chí đánh giá hứng thú của HS Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở trong giờ học môn Bơi lội là việc làm



BẢNG 1. KẾT QUẢ ĐỀ XUẤT CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HỨNG THÚ CỦA HS TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN NỖ TRONG GIỜ HỌC MÔN BƠI LỘI

TT	NỘI DUNG	MÃ HÓA
Hành động biểu hiện khi học tập môn Bơi lội		HĐ
1	Đi học đều	HĐ1
2	Đi học đúng giờ	HĐ2
3	Mặc đúng trang phục	HĐ3
4	Tập trung chú ý nghe giáo viên giảng lý thuyết	HĐ4
5	Tập trung chú ý xem giáo viên làm mẫu	HĐ5
6	Tự luyện tập trên lớp	HĐ6
7	Tự luyện tập ở nhà những nội dung đã học	HĐ7
8	Nghiêm túc thực hiện các bài khởi động trước khi vào những bài học chính	HĐ8
9	Nhờ giáo viên hướng dẫn những nội dung chưa hiểu	HĐ9
10	Trao đổi và tập luyện cùng với bạn những bài tập khó	HĐ10
11	Tự giác tham gia các hoạt động ngoại khóa CLB môn Bơi lội	HĐ11
Nhận thức của HS về môn Bơi lội		NT
1	Có vai trò quan trọng trong sự phát triển về hình thái (chiều cao, cân nặng, vòng ngực...)	NT1
2	Có vai trò quan trọng trong sự phát triển về thể lực (sức mạnh, sức nhanh, sức bền, mềm dẻo - khéo léo...)	NT2
3	Có vai trò quan trọng trong sự phát triển về chức năng sinh lý (tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, bài tiết, ...)	NT3
4	Có vai trò quan trọng trong sự phát triển về tâm lý (Rèn luyện các phẩm chất ý chí; Giảm áp lực học tập, tạo niềm vui, hứng thú)	NT4
5	Có vai trò quan trọng trong sự phát triển về kỹ năng xã hội (giao tiếp, quản lý thời gian, tư duy sáng tạo, sự tự tin, ý chí chiến thắng và quan điểm lạc quan, làm việc nhóm, giao tiếp, tiếp nhận và học hỏi, thiết lập và thực hiện mục tiêu...)	NT5
Mức độ hài lòng với điều kiện học tập môn Bơi lội		HL
1	Hài lòng về trang thiết bị, cơ sở vật chất của môn Bơi lội	HL1
2	Hài lòng với việc đánh giá kết quả học tập	HL2
3	Hài lòng với phương pháp giảng dạy của giáo viên	HL3
4	Hài lòng với những hỗ trợ đối với học sinh có sức khỏe yếu	HL4
5	Hài lòng với các hoạt động ngoại khóa liên quan đến môn Bơi lội	HL5

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu)

cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

Phương pháp nghiên cứu:

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán thống kê.

Khách thể nghiên cứu:

+ Khách thể phỏng vấn là 30 người là các chuyên gia, huấn luyện viên, giáo viên và 100 HS khối 5 Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nỗ tham gia phỏng vấn thử thang đo.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Nghiên cứu sơ bộ tiêu chí đánh giá thực trạng hứng thú của HS Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nỗ trong giờ học môn Bơi lội

Bước đầu, nghiên cứu sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để phân tích, tổng hợp kết quả nghiên cứu về hứng thú trong việc học tập môn GDTC của HS một số tác giả; từ đó chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với

đặc thù riêng với đối tượng nghiên cứu. Kết quả phác thảo được thang đo sơ bộ gồm các thành phần với 21 biến đo lường sau:

2.2. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các tiêu chí đánh giá mức độ hứng thú của HS Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nỗ trong giờ học môn Bơi lội

Từ kết quả nghiên cứu sơ bộ, tác giả tiến hành lập phiếu phỏng vấn gửi đến 30 người là

các chuyên gia, huấn luyện viên, giáo viên để đánh giá lựa chọn các tiêu chí đánh giá mức độ hứng thú của HS Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở trong giờ học môn bơi lội.

Qua kết quả phỏng vấn ở bảng 2 cho thấy 21 mục hỏi đều được các khách thể tham gia phỏng vấn đồng ý cao >75% (từ 76.7% -100%). Đây là cơ sở quan trọng để nghiên cứu tiến hành các bước phân tích tiếp theo nhằm đảm bảo được độ tin cậy cần thiết của các tiêu chí khi sử dụng đánh giá mức độ hứng thú của HS Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở trong giờ học môn Bơi lội.

2.3. Kiểm định độ tin cậy của các tiêu chí đánh giá mức độ hứng thú của HS Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở trong giờ học môn Bơi lội

❖ Xác định hình thức trả lời các tiêu chí đánh giá

Thông qua kết quả phỏng vấn, tác giả tiến hành lập phiếu phỏng vấn đánh giá mức độ hứng thú của HS Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở trong giờ học môn bơi lội và tiến hành thu thập dữ liệu xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0. Mẫu phiếu hỏi gồm 03 nhóm tiêu chí với 21 mục hỏi.

Xác định hình thức trả lời: Nghiên cứu sử dụng hình thức trả lời theo thang đo Likert 5 mức độ như sau:

- (1) Rất không đồng ý
- (2) Không đồng ý
- (3) Bình thường/Không có ý kiến
- (4) Đồng ý
- (5) Rất đồng ý

BẢNG 2: KẾT QUẢ PHỎNG VẤN LỰA CHỌN CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HỨNG THÚ CỦA HS TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN NỞ TRONG GIỜ HỌC MÔN BƠI LỘI (n=30)

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ PHỎNG VẤN	
		Đồng ý	Tỉ lệ %
1	HĐ1	30	100
2	HĐ2	25	83.3
3	HĐ3	30	100
4	HĐ4	27	90.0
5	HĐ5	26	86.7
6	HĐ6	26	86.7
7	HĐ7	23	76.7
8	HĐ8	30	100
9	HĐ9	25	83.3
10	HĐ10	27	90.0
11	HĐ11	25	83.3
12	NT1	26	86.7
13	NT2	26	86.7
14	NT3	26	86.7
15	NT4	30	100
16	NT5	27	90.0
17	HL1	25	83.3
18	HL2	26	86.7
19	HL3	23	76.7
20	HL4	26	86.7
21	HL5	30	100

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu)

Ý nghĩa giá trị trung bình các mức đánh giá được quy ước như sau:

- Giá trị TB từ 1.00 – 1.80: Không hứng thú
- Giá trị TB từ Từ 1.81 – 2.60: Ít hứng thú
- Giá trị TB từ Từ 2.61 – 3.40: Không ý kiến/ Trung bình
- Giá trị TB từ 3.41 – 4.20: Hứng thú
- Giá trị TB từ 4.21 – 5.00: Rất hứng thú

❖ Kiểm định thang đo

Kiểm định độ tin cậy nội tại (Cronbach's Alpha)
 Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn thử nghiệm ngẫu nhiên trên

100 HS khối 5 Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở. Sau khi thu thập và sàng lọc dữ liệu, các biến trong thang đo dự thảo được đưa vào để kiểm định độ tin cậy nội tại nhằm loại bỏ những biến rác trong thang đo. Kết quả phân tích chi tiết bao gồm các nội dung như sau:
 Kết quả đánh giá độ tin cậy của nhóm tiêu chí đánh giá “Hành động biểu hiện khi học tập môn Bơi lội” bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy: Hệ số Cronbach's Alpha tổng =0.850>0.6, có 11/11 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn tiêu chuẩn cho

**BẢNG 3. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỆ SỐ CRONBACH'S ALPHA CỦA THANG ĐO HÀNH ĐỘNG BIỂU HIỆN KHI HỌC TẬP MÔN BƠI LỢI CỦA HS (n=100)**

MỤC HỎI	TRUNG BÌNH CỦA THANG ĐO NẾU LOẠI BIẾN	PHƯƠNG SAI CỦA THANG ĐO NẾU LOẠI BIẾN	HỆ SỐ TƯƠNG QUAN BIẾN TỔNG	CRONBACH'S ALPHA NẾU LOẠI BIẾN
HĐ1	27.0000	34.263	.662	.830
HĐ2	26.7521	35.450	.609	.836
HĐ3	26.6936	35.721	.575	.839
HĐ4	27.0000	33.855	.702	.826
HĐ5	27.7994	34.412	.515	.846
HĐ6	26.9749	34.779	.628	.834
HĐ7	27.1198	33.374	.722	.824
HĐ8	27.5014	35.653	.429	.848
HĐ9	27.4150	36.011	.418	.845
HĐ10	27.5014	35.652	.420	.825
HĐ11	27.4150	36.012	.418	.815
Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo = .850				

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu)

BẢNG 4. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỆ SỐ CRONBACH'S ALPHA CỦA THANG ĐO NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỌC TẬP MÔN BƠI LỢI CỦA HS (n=100)

MỤC HỎI	TRUNG BÌNH CỦA THANG ĐO NẾU LOẠI BIẾN	PHƯƠNG SAI CỦA THANG ĐO NẾU LOẠI BIẾN	HỆ SỐ TƯƠNG QUAN BIẾN TỔNG	CRONBACH'S ALPHA NẾU LOẠI BIẾN
NT1	17.2083	17.363	.632	.857
NT2	17.2944	16.905	.680	.849
NT3	17.1250	17.202	.464	.852
NT4	16.8667	18.433	.419	.855
NT5	17.2000	17.363	.732	.857
Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo = .850				

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu)

phép (>0.3). Các biến quan sát đạt yêu cầu để tiến hành các bước phân tích tiếp theo.

Kết quả đánh giá độ tin cậy của nhóm tiêu chí đánh giá “Những yếu tố ảnh hưởng đến học tập môn Bơi” bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy: Hệ số Cronbach's Alpha tổng =0.860>0.6, có 05/05 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (>0.3). Các biến quan sát đạt yêu cầu để tiến hành các bước phân tích tiếp theo.

Kết quả đánh giá độ tin cậy của nhóm tiêu chí đánh giá “Mức độ hài lòng với điều kiện học tập môn Bơi lội” bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy: Hệ số Cronbach's Alpha tổng = 0.880>0.6, có 05/05 mục hỏi có hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn tiêu chuẩn cho phép (>0.3). Các biến quan sát đạt yêu cầu để tiến hành các bước phân tích tiếp theo.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Thông qua kết quả khảo sát và kiểm định Cronbach's Alpha, tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA thang đo tiêu chí đánh giá mức độ hứng thú của HS Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở trong giờ học môn Bơi lội. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's test có chỉ số KMO=0.888 (>0.5), cho thấy phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu nghiên cứu với mức ý nghĩa Sig.=0.000 (<0.01) điều này cho biết các biến quan sát có tương quan trên phạm vi

BẢNG 5. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỆ SỐ CRONBACH'S ALPHA CỦA THANG ĐO MỨC ĐỘ HÀI LÒNG VỚI ĐIỀU KIỆN HỌC TẬP MÔN BƠI LỘI CỦA HS (n=100)

MỤC HỎI	TRUNG BÌNH CỦA THANG ĐO NẾU LOẠI BIẾN	PHƯƠNG SAI CỦA THANG ĐO NẾU LOẠI BIẾN	HỆ SỐ TƯƠNG QUAN BIẾN TỔNG	CRONBACH'S ALPHA NẾU LOẠI BIẾN
HL1	23.8222	48.520	.724	.797
HL2	23.6250	43.567	.372	.873
HL3	23.8417	48.401	.753	.795
HL4	24.0833	47.837	.716	.796
HL5	23.9639	48.648	.738	.796
Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo = .850				

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu)

BẢNG 6. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH KMO VÀ KIỂM ĐỊNH BARTLETT'S

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy		.888
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	3435.762
	df	582
	Sig.	.000

tổng thể, bộ dữ liệu phù hợp cho phân tích nhân tố.

Kết quả phân tích cho thấy: có 21 biến quan sát chia thành 03 nhóm nhân tố. Giá trị tổng hương sai trích là 73.07% > 50% đạt yêu cầu. Khi đó có thể kết luận rằng 3 nhóm nhân tố này có thể giải thích được 73.07% sự biến thiên của dữ liệu.

Từ kết quả ở phân tích cho thấy: Phương pháp trích yếu tố Principal Component Analysis với phép xoay Varimax được sử dụng cho phân tích nhân tố đối với 21 biến quan sát. Cả 21 biến đều có trọng số lớn hơn 0,5 cho thấy tất cả các biến đều đạt tiêu chuẩn trong việc phân tích và đánh giá dữ liệu của nghiên cứu. Từ kết quả cho thấy thành phần các nhân tố không có sự xáo trộn so với thành phần dự kiến ban đầu. Nên tác giả giữ nguyên tên các nhóm. Qua các bước phân tích đã tìm ra được thang đo đánh giá mức độ hứng thú của HS Trường Tiểu học

Nguyễn Văn Nở trong giờ học môn Bơi lội bao gồm:

Nhóm hành động biểu hiện khi học tập môn Bơi lội bao gồm 11 biến quan sát như sau: Đi học đều (HĐ1); Đi học đúng giờ (HĐ2); Mặc đúng trang phục (HĐ3); Tập trung chú ý nghe giáo viên giảng lý thuyết (HĐ4); Tập trung chú ý xem giáo viên làm mẫu (HĐ5); Tự luyện tập trên lớp (HĐ6); Tự luyện tập ở nhà những nội dung đã học (HĐ7); Nghiêm túc thực hiện các bài khởi động trước khi vào những bài học chính (HĐ8); Nhờ giáo viên hướng dẫn những nội dung chưa hiểu (HĐ9); Trao đổi và tập luyện cùng với bạn những bài tập khó (HĐ10) và Tự giác tham gia các hoạt động ngoại khóa CLB môn Bơi lội (HĐ11).

Nhóm nhận thức về môn Bơi lội bao gồm 05 biến quan sát như sau: Có vai trò quan trọng trong sự phát triển về hình thái

(chiều cao đứng, cân nặng, vòng ngực...) (NT1), Có vai trò quan trọng trong sự phát triển về thể lực (sức mạnh, sức nhanh, sức bền, mềm dẻo - khéo léo...) (NT2), Có vai trò quan trọng trong sự phát triển về chức năng sinh lý (tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, bài tiết, ...) (NT3), Có vai trò quan trọng trong sự phát triển về tâm lý (Rèn luyện các phẩm chất ý chí; Giảm áp lực học tập, tạo niềm vui, hứng thú) (NT4) và Có vai trò quan trọng trong sự phát triển về kỹ năng xã hội (giao tiếp, quản lý thời gian, tư duy sáng tạo, sự tự tin, ý chí chiến thắng và quan điểm lạc quan, làm việc nhóm, giao tiếp, tiếp nhận và học hỏi, thiết lập và thực hiện mục tiêu...) (NT5).

Nhóm mức độ hài lòng với điều kiện học tập môn Bơi lội bao gồm 05 biến quan sát như sau: Hài lòng về trang thiết bị, cơ sở vật chất của môn Bơi lội

**BẢNG 7. KẾT QUẢ MA TRẬN XOAY NHÂN TỐ CỦA PHÂN TÍCH NHÂN TỐ EFA (n=100)**

TT	BIẾN QUAN SÁT	NHÓM NHÂN TỐ		
		1	2	3
1	HD1	.865		
2	HD2	.864		
3	HD3	.860		
4	HD4	.858		
5	HD5	.857		
6	HD6	.845		
7	HD7	.836		
8	HD8	.824		
9	HD9	.823		
10	HD10	.822		
11	HD11	.820		
12	NT1		.778	
13	NT2		.764	
14	NT3		.760	
15	NT4		.750	
16	NT5		.747	
17	HL1			.685
18	HL2			.680
19	HL3			.678
20	HL4			.660
21	HL5			.650

(HL1); Hải lòng với việc đánh giá kết quả học tập (HL2); Hải lòng với phương pháp giảng dạy của giáo viên (HL3); Hải lòng với những hỗ trợ đối với học sinh có sức khỏe yếu (HL4) và Hải lòng với các hoạt động ngoại khóa liên quan đến môn Bơi lội (HL5).

3. KẾT LUẬN

Qua các bước phân tích đã xây dựng được thang đo đánh giá mức độ hứng thú của HS Trường Tiểu học Nguyễn Văn Nở trong giờ học môn Bơi lội bao gồm 03 nhóm tiêu chí với 21 mục hỏi, trong đó nhóm “Hành động biểu hiện khi học tập môn Bơi lội” bao gồm 11 biến quan sát, nhóm “Nhận thức về môn Bơi lội” bao gồm 05 biến quan sát, nhóm “Mức độ hải lòng với điều kiện học tập môn Bơi lội” bao gồm 05 biến quan sát. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 15/03/2024;
ngày phân biện đánh giá: 15/04/2024;
ngày chấp nhận đăng: 18/04/2024)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Võ Xuân Hải (2019), “Nghiên cứu ứng dụng một số biện pháp nâng cao tính tích cực trong giờ học giáo dục thể chất cho học sinh Trường Trung học phổ thông Phan Bội Châu, thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng”, Luận văn thạc sỹ giáo dục học, Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Mỹ Linh, Trần Thị Minh Thoa và sộng sự (2016), Giáo trình Bơi lội tập 1, 2, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
- Trịnh Thế Linh (2019), “Biện pháp nâng cao hứng thú trong giờ học chính khóa môn GDTC cho sinh viên không chuyên Trường Đại học Tây Bắc”, Luận văn thạc sỹ giáo dục học, Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh.
- Trần Minh Thế (2017), “Thực trạng và giải pháp nâng cao hứng thú học tập môn giáo dục thể chất của sinh viên Trường Đại học Sư phạm- Đại học Đà Nẵng”, Luận văn thạc sỹ giáo dục học, Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh.
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Nhà xuất bản Hồng Đức, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Quang Uẩn (2007), Giáo trình Tâm lý học đại cương, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.